

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2024/HS-PT

Ngày: 04-01-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Nhật Tân và Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Khánh Hưng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/12/2023 và 04/01/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 768/2023/TLPT-HS ngày 16/10/2023 theo Quyết định đưa vụ án hình sự ra xét xử phúc thẩm số 862/2023/QĐXXPT-HS ngày 08/11/2023 đối với bị cáo Nhâm Thị Ngọc L do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 221/2023/HS-ST ngày 31.8.2023 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Bị cáo có kháng cáo: **Nhâm Thị Ngọc L**, sinh năm 1971, không có tên nào khác; Giới tính: Nữ; ĐKKHKT: Số B P, tổ dân phố B, phường P, quận H, thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện nay: Lô C LK A Khu Đ, phường K, quận H, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo, đảng phái: Không; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty cổ phần K; Trình độ văn hóa: 12/12; Ngày 17/7/2023 Ban T2 ban hành QĐ số 2378-QĐ/UB ngày 20/7/2023 về việc xóa tên đảng viên Nhâm Thị Ngọc L theo quy định; Con ông Nhâm Văn C và bà Hoàng Thị L1; Chồng là Hữu Mạnh H và có 02 con (con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2004); Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Nguyên đơn đơn dân sự không kháng cáo: Chi cục Thuế quận H, thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Số A đường T, phường H, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H1 – Đội trưởng Đội KT2. Có mặt

Người có quyền lợi liên quan không kháng cáo:

- Công ty cổ phần Đ (gọi tắt là Công ty Đ); Địa chỉ: A N, M, Hà Nội; Người đại diện theo ủy quyền ông Nhâm Hoàng H2 – N đơn vị Xây lắp 8. Vắng mặt

- Công ty cổ phần K (gọi tắt là Công ty K); Địa chỉ: Số H N, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội. Do bị cáo Nhâm Thị Ngọc L làm Giám đốc. Có ông Hữu Mạnh H – Phó Giám đốc có mặt phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/7/2022, Cục Thuế thành phố H có Công văn số 31189/CTHN-TTKT10 gửi Phòng Cảnh sát điều tra(CSĐT) Tội phạm về tham nhũng kinh tế, buôn lậu (PC03)- Công an thành phố H về việc từ năm 2014 đến năm 2015, Công ty cổ phần K (gọi tắt Công ty K) có cung cấp hàng hóa là vật tư công trình, nhân công cho Công ty cổ phần Đ (gọi tắt là Công ty Đ), địa chỉ số A N, phường M, quận H, thành phố Hà Nội đã xuất 38 số hóa đơn giá trị gia tăng với tổng giá trị hàng trước thuế 10.606.552.078 đồng, thuế GTGT 1.060.655.207 đồng. Các năm 2014, 2015 Công ty K không nộp báo cáo tài chính, không kê khai nộp thuế đối với 38 số hóa đơn đã xuất cho Công ty Đ. Ngày 17/4/2015, Chi cục Thuế quận H đã có thông báo số 980/4 về việc Công ty K bỏ địa chỉ kinh doanh. Tuy nhiên, sau khi có Thông báo bỏ địa chỉ kinh doanh Công ty K vẫn tiếp tục xuất 18 số hóa đơn (trong tổng số 38 số hóa đơn) cho Công ty Đ. Cục thuế thành phố H đề nghị Phòng PC03 - Công an thành phố H tiếp tục điều tra xác định giá trị hàng hóa, dịch vụ thực tế tương ứng với các hóa đơn nêu trên.

Quá trình điều tra xác định: Năm 2010, Nhâm Thị Ngọc L đăng ký thành lập Công ty K có MST: 0104574351, địa chỉ số H N, phường Q, thành phố Hà Nội. Công ty K hoạt động kinh doanh vật liệu điện, thiết bị vật tư máy móc và nhận thầu xây lắp các công trình về điện. L là người đại diện theo pháp luật của Công ty kiêm kế toán. Lan trực tiếp quản lý điều hành, ký kết các Hợp đồng kinh tế dưới danh nghĩa Công ty K, trực tiếp hạch toán sổ sách kế toán, kê khai và nộp thuế cho Công ty. Từ năm 2014 đến năm 2015, L làm Giám đốc và ông Hữu Mạnh H - sinh năm 1971 (chồng L) là Phó Giám đốc Công ty.

Từ tháng 7 năm 2013 đến tháng 11 năm 2015, Công ty K ký 15 Hợp đồng kinh tế với Công ty Đ cung cấp vật tư và nhân công thi công công trình gồm các loại cột, dây cáp điện. Công ty K đã xuất **38** hóa đơn với tổng giá trị trước thuế là 10.606.552.078 đồng (thuế GTGT là 1.060.655.207 đồng). Ngày 27/11/2019, Cục thuế thành phố H ra Quyết định thanh tra thuế số 88942/QĐ-CT-TKT4 về việc thanh tra việc chấp hành pháp luật thuế tại Công ty Đ. Tại Bản Kết luận thanh tra thuế số 95472/KL-CT-KTT4 ngày 23/12/2019 của Cục thuế thành phố H kết luận: Công ty K không kê khai, nộp thuế với cơ quan thuế **38** hóa đơn nêu trên. Cục T đã xuất toán doanh thu của Công ty Đ đối với 38 hóa đơn và ngày 23/12/2019, Cục thuế thành phố H ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 95473/QĐ-CT-KTT4-XPVPHC đối với Công ty Đ số tiền 4.296.250.840 đồng. Tháng 9/2020, Công ty Đ đã khắc phục toàn bộ nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước những thiệt hại do Công ty Đ gây ra.

Để có hàng hóa cung cấp cho Công ty Đ, Công ty K đã nhập hàng hóa từ Công ty cổ phần D (Cadisun) - Chi nhánh N1, địa chỉ lô F N, thành phố V, tỉnh Nghệ An và Công ty cổ phần C1, địa chỉ xã P, huyện T, thành phố Hà Nội.

Quá trình điều tra mở rộng, Cơ quan CSĐT Công an quận H phát hiện ngoài 38 hóa đơn nêu trên thì trong năm 2013, Nhâm Thị Ngọc L còn xuất **11** hóa đơn cho Công ty Đ với giá trị tiền hàng trước thuế là 2.529.309.698 đồng (Thuế GTGT là 252.930.970 đồng)

Quá trình thực hiện hợp đồng từ tháng 12/2013 đến tháng 11/2015, Công ty K đã xuất 49 hóa đơn GTGT cho Công ty Đ gồm: số 0000094, 0000095, 0000096, 0000098, 0000099, 0000100, 0000101, 0000103, 0000104, 0000105, 0000107, 0000108, 0000109, 0000110, 0000111, 0000112, 0000113, 0000114, 0000115, 0000116, 0000117, 0000118, 0000119, 0000120, 0000121, 0000122, 0000123, 0000124, 0000125, 0000130, 0000131, 0000132, 0000133, 0000134, 0000135, 0000136, 0000137, 0000138, 0000140, 0000141, 0000142, 0000143, 0000144, 0000145, 0000146, 0000147, 0000148, 0000149, 0000150 với tổng số tiền là **14.449.447.953** đồng, trong đó tiền hàng là **13.135.861.776** đồng, tiền thuế GTGT là **1.313.586.177** đồng.

Sau khi Công ty K xuất hóa đơn, Công ty Đ đã thanh toán đủ số tiền **14.449.447.953** đồng cho Công ty K. Năm 2014, Nhâm Thị Ngọc L không thực hiện việc kê khai thuế, không nộp thuế. Năm 2015, L không nộp thuế, không kê khai thuế Quý 2, 3, 4/2015 mà chỉ nộp tờ khai thuế, báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn của Q 1/2015 (nhưng không phát sinh số thuế phải nộp và không phát sinh hóa đơn đã sử dụng). Ngày 17/4/2015, Chi cục thuế quận H đã có Thông báo về người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký đối với Công ty K. Ngày 25/12/2017, Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố H ra Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.....

Ngày 07/9/2022, Cơ quan CSĐT Công an thành phố H ra Quyết định trưng cầu giám định số 521 gửi Cục thuế thành phố H đề nghị giám định Công ty cổ phần K có hoạt động giao dịch với Công ty cổ phần Đ (Công ty Đ) và xuất 38 hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty Đ không kê khai các hóa đơn đã sử dụng cho cơ quan thuế, đã nhận tiền thanh toán của Công ty Đ, Công ty K có trốn thuế không, số tiền trốn thuế là bao nhiêu?

Tại Bản kết luận giám định tư pháp ngày 08/12/2022 của Cục thuế thành phố H kết luận: *Công ty K đã có hành vi trốn thuế, gian lận thuế trên cơ sở 38 số hóa đơn GTGT Công ty K đã xuất cho Công ty cổ phần X và viễn thông (MST: 0101485294) với tổng giá trị tiền hàng trước thuế là **10.606.552.078 đồng**, thuế GTGT đầu ra là **1.060.655.207 đồng**, số thuế GTGT đã trốn là **1.060.655.207 đồng**.*

Ngày 05/5/2023, Cơ quan CSĐT Công an quận H ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 15 gửi Cục thuế thành phố H đề nghị giám định việc chấp hành thuế của Công ty K đối với việc xuất 11 hóa đơn GTGT ngày 16, 17, 18, 25/12/2013 cho Công ty Đ.

Tại Bản kết luận giám định tư pháp ngày 31/5/2023 của Cục thuế thành phố H kết luận: *Công ty K đã có hành vi trốn thuế, gian lận thuế trên cơ sở 11 hóa đơn GTGT Công ty K đã xuất cho Công ty Đ với tổng giá trị hàng trước thuế là **2.529.309.698 đồng**, thuế GTGT đầu ra là **252.930.970 đồng**, số thuế GTGT đã trốn là **252.930.970 đồng**.*

Bản án hình sự sơ thẩm số 221/2023/HS-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông đã áp dụng khoản 3 Điều 200; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt Nhâm Thị Ngọc L 25 tháng tù về tội

“Trốn thuế”. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 08/9/2023 bị cáo Nhâm Thị Ngọc L có đơn kháng cáo đề nghị được giảm hình phạt.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận hành vi như án sơ thẩm đã nêu, khai mua bán hàng hóa là thật. Tuy nhiên về nguồn hàng bị cáo lấy để bán cho công ty Đ là từ Công ty cổ phần B; Công ty P; cửa hàng số 5 P, H (bao gồm Công ty TNHH B1); Công ty cổ phần X1; ETF, Cadisun N. Bị cáo khai do nợ nên các Công ty này chưa xuất hóa đơn cho bị cáo. Bị cáo đề nghị làm rõ việc bị cáo đã mua hàng để bán để đánh giá đúng trách nhiệm hình sự. Nếu tiếp tục xét xử thì giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và cho bị cáo hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị: Kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Xét kháng cáo của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai mua hàng của các công ty nêu trên là thật, đây là tình tiết mới. Xét việc xác minh đầu vào hàng hóa chưa được làm rõ và việc này ảnh hưởng đến bản chất của vụ án, cấp phúc thẩm không làm rõ được nên đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra lại.

Anh H khai không biết việc trốn thuế của L, xác nhận L có mua hàng của nhiều đơn vị để bán cho EDC vì hiện nay nhiều người đòi tiền L do mua hàng chưa trả tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm vụ án này, các cơ quan và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục; không ai có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì. Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định bị cáo Nhâm Thị Ngọc L có kháng cáo là hợp lệ, được chấp nhận về hình thức.

[2] Về nội dung vụ án và kháng cáo của bị cáo.

Bản án sơ thẩm căn cứ kết luận giám định để kết luận bị cáo đã trốn thuế VAT là 1.313.586.177 đồng thông qua việc mua hàng của Công ty cổ phần X1; ETH và C2 để bán cho EDC

Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo khai ngoài mua hàng của các công ty trên, bị cáo đã mua hàng của các đơn vị như Công ty cổ phần B; Công ty P; cửa hàng số 5 P, H (bao gồm Công ty TNHH B1 và hộ kinh doanh Bùi Thị N) nhưng các tổ chức, cá nhân này không xuất hóa đơn cho bị cáo. Anh H cũng xác nhận nội dung này.

Đây là tình tiết mới, ảnh hưởng đến việc xác định bản chất của vụ án để đánh giá bị cáo có mua bán hàng hóa hay không từ đó xác định phạm tội Trốn thuế hay thực hiện hành vi khác.

Những nội dung này không thể làm rõ được tại cấp phúc thẩm.

Vì vậy, cần phải hủy án sơ thẩm để điều tra lại theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 358 BLHS theo như đề xuất của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa.

[3] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy bản án hình sự sơ thẩm số 221/2023/HS-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông để giao hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát nhân dân quận Hà Đông điều tra lại.

2. Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA